

Bản án số: 305/2022/DS-PT

Ngày: 10/8/2022

V/v: *Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Chí Anh

Các Thẩm phán: Ông Mai Tiến Dũng

Ông Vũ Viết Văn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hương Lan - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:
ông Nguyễn Mạnh Thắng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09, 10 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 176/2022/TLPT-DS ngày 26 tháng 5 năm 2022, về việc “*tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Do bản án sơ thẩm số 23/2021/DS-ST ngày 08/6/2021, của Tòa án nhân dân huyện QO, thành phố Hà Nội, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 268/2022/QĐ-PT ngày 12/7/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa dân sự phúc thẩm số 315/2022/QĐ-PT ngày 03/8/2022, của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP H (MSB); Địa chỉ: 54A NCT, phường LT, quận DD, Thành phố HN.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hoàng L – Tổng Giám đốc MSB;
Người đại diện theo ủy quyền: ông Bùi Đức Q – Tổng giám đốc Ngân hàng quản lý tín dụng; Ông Qu ủy quyền lại cho: ông Hoàng Mạnh L, bà Trần Thị Phương T, ông Nguyễn Trung H, bà Nguyễn Thị V – Chuyên viên phòng tố tụng. Ông L có mặt, các ông bà T, H, V đều vắng mặt.

Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Văn C (tức C), sinh năm 1965; (*có mặt tại phiên tòa*)

2. Bà Tạ Thị N, sinh năm 1965, (*vắng mặt tại phiên tòa*).

Cùng địa chỉ: Thôn ĐH, xã ĐY, huyện QO, thành phố HN

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là: ông Nguyễn Hội N, sinh năm 1954; Địa chỉ: Phường ML, quận HĐ, thành phố HN (*vắng mặt tại phiên tòa*)

Người đại diện theo ủy quyền của bà Tạ Thị N là ông Mai Văn Đ, sinh năm 1964; Địa chỉ: Đội 4 thôn ĐH, xã ĐY, huyện QO, HN (*có mặt tại phiên tòa*)

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn C là: ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1964; địa chỉ: xã Nghĩa H, huyện QO, HN; (*có mặt tại phiên tòa ngày 09/8, vắng mặt lúc tuyên án*).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại Đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn là Ngân hàng TMCP H(MSB) trình bày:

Ngày 30/01/2010, Ngân hàng và ông Nguyễn Văn C và bà Tạ Thị N đã ký Hợp đồng tín dụng 295/10/CG (“HĐTD”) với nội dung cụ thể như sau:

Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động thanh toán tiền hàng; Tổng số tiền được vay 800.000.000 VND; Tổng số tiền đã giải ngân 800.000.000 VND; Thời hạn vay 12 tháng; Hình thức rút vốn chuyển khoản hoặc tiền mặt; Lãi suất cho vay 12% năm, Lãi suất quá hạn = 150% lãi suất trong hạn. Phương thức áp dụng thả nổi theo quy định của HĐTD.

Tài sản bảo đảm nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng trên của ông Nguyễn Văn C và bà Tạ Thị N tại Ngân hàng là: *Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất có diện tích 395 m² đất, thửa đất số 81, tờ bản đồ số 01 tại địa chỉ: thôn ĐH, xã ĐY, huyện QO, thành phố HN theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AN990915, số vào sổ H1720 do UBND huyện QO, thành phố HN cấp cho ông Nguyễn Văn C ngày 03/11/2009.*

Tài sản được đảm bảo được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 007362-2010 quyền số 6 TP/CC-SCC/HĐTC ngày 28/01/2010 tại Văn phòng công chứng Hà Nội.

Ông C, bà N đã được Ngân hàng giải ngân số tiền vay là 800 triệu đồng. Trong quá trình thực hiện HĐTD, bị đơn đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ vì vậy khoản vay trên bị chuyển nợ xấu. Sau nhiều lần Ngân hàng trao đổi, làm việc, tạo điều kiện và đôn đốc khách hàng về việc sắp xếp nguồn thu để trả nợ khoản vay nhưng Ông C, bà N không hợp tác và cho rằng ông bà bị lừa không được nhận tiền của Ngân hàng nên không có trách nhiệm trả. Dư nợ tính đến ngày 21 tháng 10 năm 2020 Ông C, bà N còn nợ là **2.234.933.333** đồng (Trong đó nợ gốc: 800.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn 964.800.000 đồng; Lãi quá hạn 470.133.333 đồng).

Để đảm bảo quyền và lợi ích của mình, Ngân hàng làm đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu Tòa án buộc Ông C, bà N thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng. Cụ thể:

1- Buộc Ông C và bà N phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi vay tính đến ngày 21/10/2020 là 2.234.933.333 đồng. Trong đó nợ gốc: 800.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn 964.800.000 đồng; Lãi quá hạn 470.133.333 đồng.

2- Trong thời hạn chưa thanh toán nợ, Ông C và bà N phải chịu lãi suất quá hạn đối với khoản dư nợ gốc theo quy định tại Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ đã ký kết với Ngân hàng cho đến khi Ông C, bà N thanh toán toàn bộ khoản nợ.

3- Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật nếu Ông C và bà N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả khoản nợ nêu trên, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản đã thế chấp cho Ngân hàng để thu hồi nợ.

Nếu số tiền phát mại tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết khoản nợ cho Ngân hàng thì Ông C, bà N vẫn có nghĩa vụ trả hết toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng.

Bị đơn ông Nguyễn Văn C và bà Tạ Thị N trình bày:

Cuối năm 2009, Ông C, bà N có nhu cầu vay 100.000.000 đồng của Ngân hàng để mở cửa hàng nhôm kính, được anh Nguyễn Văn Thiết ở thôn Thê Trụ, xã Nghĩa H, huyện QO, thành phố Hà Nội giới thiệu đưa đến Văn phòng công chứng Hà Nội 238A, phố Hoàng Ngân, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội để công chứng sổ đỏ của mình là tài sản thế chấp vay Ngân hàng. Anh Khánh là cán bộ Ngân hàng hướng dẫn vợ chồng ông bà ký rất nhiều văn bản; Do trình độ hiểu biết pháp luật còn hạn chế và mắt không được tinh, Ông C, bà N đã ký các giấy tờ như anh Khánh bảo. Trong quá trình ký các loại giấy tờ do anh Khánh đưa, có một tờ giấy Poluya màu xanh không có số, không có chữ, Ông C, bà N có hỏi lại anh Khánh là tại sao tờ giấy gì đây lại không có chữ, có số thì anh Khánh nói cứ ký vào, khi lấy tiền thì viết sau. Ông C, bà N xác nhận toàn bộ giấy tờ mà Ngân hàng cung cấp cho Tòa án trong hồ sơ đúng là chữ ký của vợ chồng ông bà. Ký xong vợ chồng ông bà về nhà chờ mãi không thấy Ngân hàng báo lĩnh tiền nên tháng 3 năm 2011, Ông C có nói chuyện với anh Điện cùng thôn, thì anh Điện cho biết sổ đỏ của gia đình ông và Hợp đồng tín dụng ông, bà đã ký đã được Ngân hàng giải ngân 800.000.000 đồng. Sau đó Ông C, bà N làm đơn đề nghị Ngân hàng trả sổ đỏ, thì Ngân hàng khất lần khất lượt không trả. Biên bản làm việc với Ngân hàng anh Thiết đã xác nhận với vợ chồng ông bà là ông bà không nhận được đồng nào từ hợp đồng tín dụng. Ông C, bà N đã ba, bốn lần đến đòi sổ đỏ ở Ngân hàng nhưng Ngân hàng làm việc chung chung không trả sổ đỏ cho ông bà. Ông C đã thuê luật sư làm đơn tố cáo đến Công an quận Cầu Giấy, Công an thành phố Hà Nội, bộ Công An nhưng đều trả lời là vụ việc có tính chất dân sự, không có dấu hiệu hình sự nên đã tiếp tục khởi kiện lên Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy về việc ông bà bị nhân viên ngân hàng lừa ký giấy vay tiền Ngân hàng mà không được xu nào. Sau đó ông bà đã rút đơn khởi kiện và Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy đã đình chỉ giải quyết vụ án. Nay Ngân hàng khởi kiện Ông C, bà N ra Tòa án nhân dân huyện QO, yêu cầu vợ chồng ông bà phải trả số tiền, tính đến

ngày 21/10/2020 là: **2.234.933.333 đồng**, trong đó: Nợ gốc 800.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn 964.800.000 đồng; Lãi quá hạn: 470.133.333 đồng.

Vợ chồng Ông C , bà N có ý kiến là gia đình ông bà không nhận được tiền của Ngân hàng nên không có nghĩa vụ trả nợ.

Tại bản án sơ thẩm số 23/2021/DS-ST ngày 08/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện QO, thành phố Hà Nội, đã xử và quyết định:

1.Chấp nhận đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng của Ngân hàng TMCP H đối với ông Nguyễn Văn C và bà Tạ Thị N .

2.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng H đối với ông Nguyễn Văn C và bà Tạ Thị N về yêu cầu trả nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn và quyền yêu cầu cơ quan thi hành án Dân sự phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Buộc ông Nguyễn Văn C và bà Tạ Thị N phải trả cho Ngân hàng toàn bộ tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 21/10/2020 là **2.234.933.333 đồng** (*Hai tỷ hai trăm ba mươi tư triệu chín trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng*). Trong đó: Nợ gốc **800.000.000** đồng; Nợ lãi trong hạn **964.800.000** đồng; Nợ lãi quá hạn: **470.133.333 đồng**.

Buộc ông Nguyễn Văn C , bà Tạ Thị N tiếp tục phải trả Ngân hàng tiền nợ lãi phát sinh trên số dư nợ gốc tính theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ số 295/10/CG ngày 30/01/2010 giữa Ngân hàng TMCP H và ông Nguyễn Văn C và bà Tạ Thị N đã ký kết với Ngân hàng kể từ ngày 22/10/2020 cho đến khi Ông C , bà N thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho ngân hàng.

(Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận điều chỉnh về lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng được điều chỉnh theo lãi suất của ngân hàng cho vay).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 20/6/2021 ông Nguyễn Văn C là bị đơn trong vụ án đã nộp đơn kháng cáo yêu cầu hủy toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện QO với lý do: Vợ chồng ông bà không nhận được tiền vay của Ngân hàng nên không có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng và cũng không có tiền trả như bản án sơ thẩm đã tuyên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày và đề nghị Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa để triệu tập thêm một số người là người làm chứng và đề nghị hủy

toàn bộ bản án sơ thẩm, buộc Ngân hàng trả lại cho Ông C , bà N Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và các đương sự tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý vụ án đến phiên toà xét xử vụ án.

Về nội dung: Ông Nguyễn Văn C cho rằng vợ chồng ông ký hợp đồng tín dụng với ngân hàng nhưng chưa nhận được tiền giải ngân của ngân hàng nên không có trách nhiệm thanh toán tiền cho ngân hàng.

- Xét Hợp đồng tín dụng số 295/10/CG ngày 30/01/2010, Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 007362 ngày 28/01/2010 và khế ước nhận nợ số 26698/2010/CG ngày 30/01/2010 của Ngân hàng H và Giấy lĩnh tiền mặt ngày 30/01/2010: Ông C và bà N đều xác nhận chữ ký dưới các văn bản đó đều là chữ ký của ông bà. Hợp đồng các bên tự nguyện ký kết, có hình thức và nội dung phù hợp nên có hiệu lực thi hành.

- Ông C khai không nhận được tiền của Ngân hàng, do không hiểu biết nên vợ chồng ông bà ký khống vào các giấy tờ trống của Ngân hàng, tuy nhiên, Ông C và bà N không cung cấp được các chứng cứ xác định không nhận được tiền của Ngân hàng, Căn cứ BL: 22 là giấy lĩnh tiền, quá trình giải quyết Ông C , bà N cũng xác nhận chữ ký của ông bà(BL: 41) nhưng vẫn làm đơn tố cáo gửi cơ quan công an. Tuy nhiên CQCA đã giải quyết đơn tố cáo này. Do vậy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của Ông C là không thanh toán trả Ngân hàng khoản nợ gốc và lãi như đã thỏa thuận.

Do Ông C , bà N vi phạm nghĩa vụ thực hiện hợp đồng nên phải thanh toán trả Ngân hàng TMCP H số tiền 2.234.933.333 đồng, trong đó: Nợ gốc 800.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn 964.800.000 đồng; Lãi quá hạn: 470.133.333 đồng. Nếu Ông C , bà N không thực hiện việc trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan THA kê biên, phát mại tài sản đã thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất có diện tích 395 m² đất, thửa đất số 81, tờ bản đồ số 01 tại địa chỉ: thôn ĐH, xã ĐY, huyện QO, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AN990915, số vào sổ H1720 do UBND huyện QO, thành phố Hà Nội cấp cho ông Nguyễn Văn C ngày 03/11/2009.

Từ những phân tích trên nhận thấy: Cần bác kháng cáo của BĐ là Ông C không có căn cứ để chấp nhận. Đề nghị giữ nguyên nội dung bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

1. Về tố tụng:

- Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì người kháng cáo duy nhất là ông Nguyễn Văn C - bị đơn trong vụ án, kháng cáo trong hạn luật định, Ông C có đơn xin được miễn án phí do có hoàn cảnh khó khăn, do đó kháng cáo được coi là hợp lệ về mặt hình thức.

- Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bà Tạ Thị N là ông Mai Văn Đ cho rằng bà N có kháng cáo và đã gửi đơn kháng cáo đến Tòa án NDTP Hà Nội qua đường bưu điện vào ngày 21/6/2021, kèm theo đó ông Điện nộp Phiếu báo phát có dấu bưu điện của Bưu cục Cầu Giấy vào ngày 21/6/2021. Tuy nhiên qua xem xét không xác định được tài liệu gửi theo Phiếu báo phát ngày 21/6/2021 có phải là Đơn kháng cáo của bà N hay không, do đó không có cơ sở để xác định bà N có kháng cáo đối với Bản án sơ thẩm. Tuy nhiên các bị đơn có cùng chung quyền, lợi ích, do đó khi xem xét kháng cáo của Ông C cũng đã đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bà N .

2. Về nội dung: Đối với yêu cầu kháng cáo của Ông C , Hội đồng xét xử xét thấy

2.1. Xét tính hợp pháp của Hợp đồng tín dụng:

Ngày 30/01/2010, ông Nguyễn Văn C và vợ là bà Tạ Thị N với Ngân hàng TMCP H(MSB) – Chi nhánh Cầu Giấy đã ký Hợp đồng tín dụng số 295/10/CG để vay số tiền 800.000.000 đồng , thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 12%/năm (theo phương thức thả nổi), mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động thanh toán tiền hàng.

Xét thấy Hợp đồng tín dụng được ký kết trên cơ sở tự nguyện, các bên đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và năng lực chủ thể; hình thức, nội dung của Hợp đồng tín dụng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên có hiệu lực thi hành theo quy định tại Điều 122 Bộ luật Dân sự năm 2005

Sau khi ký kết Hợp đồng cho vay, ngày 30/10/2010 MSB đã giải ngân số tiền 800.000 đồng cho bên vay là ông Nguyễn Văn C , bà Tạ Thị N .

Theo nội dung đơn kháng cáo và các lời khai tại Tòa án Ông C trình bày, ngày 28/01/2010 vợ chồng ông được ông Nguyễn Khánh – là cán bộ của MSB đưa đi công chứng làm thủ tục vay vốn, do tin tưởng ông Khánh và do thiếu hiểu biết về pháp luật nên vợ chồng ông đã ký các giấy tờ theo ông Khánh chỉ dẫn mà không biết cụ thể là giấy tờ gì, ngoài ra vợ chồng ông còn ký không vào một tờ giấy màu xanh nhỏ không có số, không có chữ. Trên thực tế vợ chồng ông không được nhận số tiền MSB giải ngân là 800.000.000 đồng.

Đối với nội dung kháng cáo này, Hội đồng xét xử nhận định: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện, năm 2012 Ông C , bà N đã làm đơn tố cáo về việc ông Nguyễn Khánh – cán bộ Ngân hàng TMCP Hàng Hải có hành vi lừa đảo, chiếm đoạt tài sản của ông bà thông qua việc thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông, bà để vay vốn của Ngân hàng TMCP Hàng Hải – chi nhánh Cầu Giấy tới các cơ quan Công an. Sau khi điều tra xác minh nội dung đơn tố cáo của

Ông C , bà N , cơ quan cảnh sát điều tra – Công an quận Cầu Giấy, Công an Thành phố Hà Nội đều đã có trả lời và kết luận vụ việc trong đơn tố cáo của Ông C bà N là quan hệ dân sự, không có dấu hiệu của tội phạm.

Đến năm 2019 Ông C , bà N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy hủy Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ký kết giữa vợ chồng Ông C với MSB ngày 28/01/2010, số công chứng 007362/2010, quyền số 06TP/CC-SCC/HĐTC ngày 28/01/2010 tại Văn phòng Công chứng Hà Nội và yêu cầu MSB trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN990915 do UBND huyện QO cấp ngày 03/11/2009 cho Ông C . Tuy nhiên sau đó Ông C , bà N đã rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện này, do đó Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự đối với yêu cầu khởi kiện nêu trên của Ông C , bà N . Như vậy, không có căn cứ để xác định nội dung như Ông C trình bày trong đơn kháng cáo.

Bên cạnh đó, căn cứ Khế ước nhận nợ ngày 30/01/2010 có đầy đủ chữ ký của bên vay là ông Nguyễn Văn C , bà Tạ Thị N , với bên cho vay do người có thẩm quyền ký tên, đóng dấu; và Giấy lĩnh tiền mặt ngày 30/01/2010 có chữ ký của ông Nguyễn Văn C thể hiện Ông C , bà N đã lĩnh tiền giải ngân với số tiền là 800.000.000 đồng từ ngày 30/01/2010.

2.2. Về nghĩa vụ trả nợ:

Căn cứ: Bảng Sao kê tín dụng do MSB cung cấp, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của MSB buộc Ông C , bà N phải trả toàn bộ số gốc còn nợ và lãi phát sinh của Hợp đồng tín dụng, tạm tính đến ngày ngày 21/10/2020 là 2.234.933.333 đồng (Trong đó: Nợ gốc 800.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn 964.800.000 đồng; Nợ lãi quá hạn: 470.133.333 đồng); và tiếp tục chịu lãi phát sinh trên số dư nợ gốc theo lãi suất đã quy định tại Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ số 295/10/CG ngày 30/01/2010 là phù hợp với quy định tại các Điều: 290, 471 BLDS 2005.

2.3. Xét tính hợp pháp của Hợp đồng thế chấp

Để đảm bảo cho khoản vay, ngày 28/01/2010 MSB với Ông C , bà N đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng 007362/2010, quyền số 06TP/CC-SCC/HĐTC ngày 28/01/2010; Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đối với thửa đất số 81, tờ bản đồ số 01, địa chỉ: thôn ĐH, xã ĐY, huyện QO, Hà Nội, diện tích 395m² đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H-1720 ngày 03/11/2009 do UBND huyện QO cấp cho ông Nguyễn Văn C

Xét thấy Hợp đồng thế chấp nêu trên được ký kết trên cơ sở tự nguyện, đúng về hình thức, trình tự, thủ tục đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định tại các Điều: 342, 343 và 715 BLDS 2005; Khoản 7 điều 113; Điều 130 Luật Đất đai năm 2003; Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm. Tại thời điểm ký kết Ông C , bà N là chủ sử dụng hợp pháp của tài sản thế chấp.

Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên trong trường hợp Ông C , bà N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ số tiền 800.000.000 đồng và lỗi phát sinh kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, thì MSB có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của khoản vay nói trên để thu hồi nợ là đúng theo quy định tại khoản Điều 336, Điều 338 Bộ luật Dân sự năm 2005 và các thỏa thuận tại Hợp đồng thế chấp giữa MSB với Ông C , bà N .

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông Nguyễn Văn C và bà Tạ Thị N đối với Ngân hàng MSB. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì Ông C , bà N vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho MSB.

Trường hợp số tiền phát mại tài sản thu được nhiều hơn số tiền phải thanh toán thì được trả lại cho Ông C , bà N sau khi trừ hết các khoản nợ.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn C .

3. Về nghĩa vụ chịu án phí:

Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên Ngân hàng Hàng Hải không phải chịu án phí.

Tại cấp sơ thẩm Ông C có đơn xin miễn giảm án phí do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, tuy nhiên không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền tại địa phương về việc Ông C , bà N thuộc hộ nghèo, do đó không có căn cứ để chấp nhận đơn xin miễn án phí của Ông C . Ông C , bà N phải chịu án phí sơ thẩm. Ông C phải chịu án phí phúc thẩm do kháng cáo ko được chấp nhận.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015
- Các Điều: 302, 305, 342, 343, 351, 355, 471, 474, 478, 715, 721 Bộ luật dân sự năm 2005;

-Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn - ông Nguyễn Văn C , giữ nguyên bản án sơ thẩm số 23/2021/DS-ST ngày 08/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện QO và xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng của Ngân hàng TMCP Hđổi với ông Nguyễn Văn C và bà Tạ Thị N .

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Hđổi với ông Nguyễn Văn C và bà Tạ Thị N về yêu cầu trả nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn và quyền yêu cầu cơ quan thi hành án Dân sự phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Buộc ông Nguyễn Văn C và bà Tạ Thị N phải trả cho Ngân hàng toàn bộ tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 21/10/2020 là **2.234.933.333 đồng** (*Hai tỷ hai trăm ba mươi tư triệu chín trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng*). Trong đó: Nợ gốc **800.000.000** đồng; Nợ lãi trong hạn **964.800.000** đồng; Nợ lãi quá hạn: **470.133.333 đồng**.

Buộc ông Nguyễn Văn C , bà Tạ Thị N tiếp tục phải trả Ngân hàng tiền nợ lãi phát sinh trên số dư nợ gốc tính theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ số 295/10/CG ngày 30/01/2010 giữa Ngân hàng TMCP H và ông Nguyễn Văn C và bà Tạ Thị N đã ký kết với Ngân hàng kể từ ngày 22/10/2020 cho đến khi Ông C , bà N thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho ngân hàng.

(Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận điều chỉnh về lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng được điều chỉnh theo lãi suất của ngân hàng cho vay).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật nếu Ông C và bà N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ số tiền **2.234.933.333 đồng** (tính đến ngày 21/10/2020) và lãi phát sinh thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản đã thế chấp là: *Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất có diện tích 395 m² đất, thửa đất số 81, tờ bản đồ số 01 tại địa chỉ: thôn ĐH, xã ĐY, huyện QO, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AN990915, số vào sổ H1720 do UBND huyện QO, thành phố Hà Nội cấp cho ông Nguyễn Văn C ngày 03/11/2009.*

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của Ông C , bà N đối với Ngân hàng. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết khoản nợ cho Ngân hàng thì Ông C , bà N vẫn có nghĩa vụ trả hết toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng; nếu còn thừa sẽ được trả lại cho Ông C , bà N .

3. Về án phí:

- Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên Ngân hàng TMCP H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí là 37.800.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0011354 ngày 18/12/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện QO, Hà Nội.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn C , bà Tạ Thị N phải chịu 76.698.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về án phí phúc thẩm

Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn C phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày Tòa tuyên án./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát NDTP Hà Nội;
- Tòa án nhân dân quận Đống Đa;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Đống Đa;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Chí Anh

